

Số: 55/QĐ-SNN

Hưng Yên, ngày 22 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên số: 1159/QĐ-UB ngày 10/6/2010 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên; số 2868/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Phòng KH-TC-TTNN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh theo phụ biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Lãnh đạo Văn phòng, Sở, Phòng KH-TC-TTNN và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nh điều 2;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tài chính;
- Phòng KH-TC-TTNN,
- Lu VT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Tuấn

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và pTNT Hưng Yên

Chương: 412

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số **55**/QĐ-SNN ngày **22** / **04**/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tiết kiệm 10% giao cho đơn vị (nguồn 14 của đơn vị)	Tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách tỉnh	Dự toán giao cho cơ quan, đơn vị
1	2	3	4	5	6=3-4-5
I	Dự toán thu, chi phí, lệ phí				
	Tổng số thu từ phí, lệ phí	990			990
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ	870			870
	Số nộp NSNN	120			120
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	147.318	877	9.394	137.047
1	Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT	15.971	106	745	15.120
	- <i>Tự chủ</i>	5.631	106		5.525
	- <i>Không tự chủ</i>	10.340		745	9.595
	+ Thanh tra, kiểm tra điều kiện SXKD, chất lượng Vật tư nông nghiệp	300			
	+ Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và giới thiệu sản phẩm	500			
	+ Kiểm tra chất lượng trong thức ăn chăn nuôi	250			
	+ Tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu	100			
	+ Tập huấn, hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp	150			
	+ Công tác quản lý giống vật nuôi trên toàn tỉnh	250			
	+ Hội nghị đầu bờ cây vụ đông, cánh đồng mẫu vụ xuân, mùa	90			
	+ Hội nghị tập huấn kỹ thuật thâm canh các giống lúa hỗ trợ, trồng và thâm canh các cây vụ đông và hướng dẫn thực hiện chuyển đổi đất lúa	1.000			
	+ Tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ngành	270			

+ Kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh tại các địa phương; kiểm tra, giám sát tái cơ cấu nông nghiệp; khảo sát, đánh giá diện tích năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu	115			
+ Chi các đoàn khách nước ngoài; đoàn trung ương và tỉnh bạn đến làm việc; Kinh phí phục vụ giao ban trực tuyến	200			
+ Tiếp tục thực hiện Dự án Thông tin khuyến nông - Thị trường	800			
+ Ứng dụng công nghệ Nano Bạc để bảo quản nhãn, hạn chế tác hại của côn trùng, chống rụng quả và nứt quả	500			
+ Hội nghị tập huấn thống kê Ngành (mở rộng tập huấn cán bộ nông nghiệp cấp huyện và cấp xã)	50			
+ Mua trang phục Thanh tra	50			
+ Chính lý tài liệu lưu trữ	50			
+ Kinh phí diệt mối trụ sở làm việc cơ quan Sở	50			
+ Hỗ trợ Ban chỉ đạo Đề án tích tụ, tập trung ruộng đất để SXNN hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017-2020 (60 trđ); BCD Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp (80 trđ)	140			
+ Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP	75			
+ Kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng làm việc	100			
+ Tổ chức chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap (thực hành SXNN tốt) trên một số cây ăn quả chủ lực giai đoạn 2018-2020	1.000			
+ Quảng bá, duy trì và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm Ocop của tỉnh	350			
+ Tuyên truyền đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy về chương trình Phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, bền vững gắn với xây dựng Nông thôn mới	150			
+ Trang bị phòng họp giao ban, phòng Hội trường	150			

	+ Kinh phí quảng bá sản phẩm nếp thơm Hưng Yên tại một số tỉnh kinh tế trọng điểm phía Bắc	200			
	+ Điều tra khả năng cung ứng và thị trường tiêu thụ một số nông sản chủ lực tỉnh Hưng Yên	100			
	+ Sửa chữa trụ sở khối liên cơ quan Sở	3.000			
	+ Lắp đặt camera và nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng nội bộ	200			
	+ KP tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp và tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh HY lần thứ IX theo Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh	50			
	+ Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	100			
2	Chi cục Bảo vệ thực vật	12.352	145	435	11.772
	- Tự chủ	6.812	145		6.667
	- Không tự chủ	5.540		435	5.105
	+ Tiền làm thêm giờ cho cán bộ CCVC trực phòng trừ sâu bệnh hàng năm	380			
	+ May đồng phục, trang phục thanh tra, kiểm dịch	60			
	+ Chi lấy mẫu, kiểm định mẫu thuốc BVTV	100			
	+ Chi tập huấn chuyển giao kỹ thuật BVTV	300			
	+ Tập huấn kỹ thuật diệt chuột diện rộng	130			
	+ Dự án "Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) gắn với sản xuất nông sản hữu cơ trên cây trồng tỉnh HY giai đoạn 2018-2021"	3.000			
	+ Mua sắm TTB, TSCĐ	165			
	+ Xây dựng hệ thống bẫy đèn để cảnh báo phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam	130			
	+ Tiền thuê trụ sở làm việc trạm Văn Lâm	60			
	+ Ứng dụng hệ thống/tiêu chuẩn OTAS trong quản lý và cấp chứng nhận mã vùng trồng cây ăn quả phục vụ xuất khẩu	1.050			
	+ Phòng chống mối công trình trụ sở Chi cục Bảo vệ thực vật	50			
	+ Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phù hợp, hiệu quả phòng trừ sâu keo mùa thu trên địa bàn tỉnh	115			

3	Chi cục Kiểm lâm	2.114	33		2.081
	- <i>Tự chủ</i>	<i>1.872</i>	<i>33</i>		<i>1.839</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>242</i>			<i>242</i>
	+ Trang phục kiểm lâm	62			
	+ Kinh phí đảm bảo hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính	180			
4	Chi cục Phát triển nông thôn	16.214	56	1.270	14.888
	- <i>Tự chủ</i>	<i>2.764</i>	<i>56</i>		<i>2.708</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>13.450</i>		<i>1.270</i>	<i>12.180</i>
	+ Mua sắm máy vi tính, máy in	60			
	+ Kinh phí phòng, chống mối công trình	50			
	+ Tập huấn trang trại	300			
	+ Hỗ trợ thực hiện dự án cơ giới hóa NN theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh (trong đó có máy cuộn rơm)	1.000			
	+ Kinh phí tập huấn Hợp tác xã và tổ hợp tác	300			
	+ Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND	6.000			
	+ Tổ chức thẩm định công nhận và khen thưởng làng nghề	70			
	+ Tuyên truyền Chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề và bảo vệ môi trường	200			
	+ Tập huấn ngành nghề và làng nghề nông thôn	100			
	+ Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác	500			
	+ Mô hình phát triển nâng hạng sản phẩm tham gia chương trình Ocop	3.000			
	+ Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, hoạt động của BCD, hội nghị sơ kết ... đề án Ocop	1.000			
	+ Hoạt động BCD đổi mới, phát triển kinh tế tập thể Hợp tác xã theo QĐ số 1546/QĐ-UBND ngày 01/6/2017	50			
	+ In sổ tay tuyên truyền về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	120			
	+ Kinh phí thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023	600			

	+ Kinh phí rà soát, điều chỉnh bổ sung đề án phát triển kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030	100			
5	Chi cục QLCL nông lâm sản và thủy sản	10.172	35	783	9.354
	- <i>Tự chủ</i>	<i>1.540</i>	<i>35</i>		<i>1.505</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>8.632</i>		<i>783</i>	<i>7.849</i>
	+ Thanh tra, kiểm tra đánh giá cơ sở SXKD nông lâm thủy sản	150			
	+ Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo tập huấn kiến thức ATTP nông lâm thủy sản	250			
	+ Giám sát cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh	200			
	+ Đề án xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản (rau, quả, thịt, cá) đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020	5.000			
	+ Tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy trình công nghệ, điều kiện an toàn cơ sở chế biến bảo quản nông lâm thủy sản	200			
	+ Vốn đối ứng Dự án - JICA "Tăng cường độ tin cậy trong SX cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc"	300			
	+ Xây dựng, phát triển ban đầu mô hình quản lý chuỗi thực phẩm an toàn.	800			
	+ Đề án duy trì và phát triển hệ thống thông tin điện tử hy.check.net.vn truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025	1.360			
	+ CTMT dự án an toàn thực phẩm	372			
6	Chi cục QL đề điều và PCLB	8.059	123	70	7.866
	- <i>Tự chủ</i>	<i>5.916</i>	<i>123</i>		<i>5.793</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>1.543</i>		<i>70</i>	<i>1.473</i>
	+ Phụ cấp trực làm đêm, làm thêm giờ PCLB, xăng xe, điện thoại	300			

	+ Kinh phí xây dựng Đề án Khuyến khích, ưu tiên các tổ chức, cá nhân đầu tư vào xây dựng và bảo vệ công trình đề điều kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	400			
	+ Thuê kiểm kê kho vật tư chống lụt	100			
	+ Trợ cấp thủ công, thủ đá, thủ kho	200			
	+ Sắc phục Hạt Quản lý đê	100			
	+ Khí tượng thủy văn	300			
	+ Mua 03 bộ máy vi tính	33			
	+ Sửa chữa kho, tường rào, cánh cổng cụm Nghi Xuyên và xây tường cụm Hàm Tử (Hạt QLD Khoái Châu)	110			
	- Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	600			600
7	Chi cục thú y	37.727	158	2.940	34.629
	- Tự chủ	7.597	158		7.439
	- Không tự chủ	30.130		2.940	27.190
	+ Tiêm phòng gia súc, gia cầm	23.000			
	+ Kinh phí mua hóa chất khử trùng tiêu độc phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản	6.000			
	+ Kinh phí chi hoạt động thanh tra chuyên ngành	140			
	+ Trang phục chuyên ngành	90			
	+ Tập huấn công tác thú y	400			
	+ Kinh phí phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y	240			
	+ KP lấy mẫu xét nghiệm vi rút dịch tả lợn Châu Phi	200			
	+ Thuê nhà cho trạm Thú y huyện Văn Lâm	60			
8	Chi cục thủy lợi	1.703	29		1.674
	- Tự chủ	1.158	29		1.129
	- Không tự chủ	545			545
	+ Trục chống úng, chống hạn nội đồng: Phụ cấp trực, xăng xe, điện thoại, mua bảo hộ lao động chống lụt, bão	175			
	+ Thanh tra chuyên ngành: May trang phục thanh tra, chi hoạt động thanh tra	50			
	+ Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị làm việc (mua máy vi tính, bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, sửa chữa lớn xe ô tô)	145			

	+ Tổ chức 5 lớp tập huấn tuyên truyền Luật Thủy lợi	175			
9	Chi cục Thủy sản	6.167	21	485	5.661
	- <i>Tự chủ</i>	<i>897</i>	<i>21</i>		<i>876</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>5.270</i>		<i>485</i>	<i>4.785</i>
	+ Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	220			
	+ Bảo vệ tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản	200			
	+ Dự án Phát triển công nghệ "Nuôi cá sông trong ao nước tĩnh"	810			
	+ Dự án "Phát triển cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021"	1.350			
	+ Kinh phí tuyên truyền triển khai đề án "phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	500			
	+ Kinh phí kiểm tra dịch bệnh và chất lượng môi trường nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh; các cơ sở sản xuất và kinh doanh giống, thức ăn, thuốc xử lý môi trường ao nuôi	300			
	+ Dự án phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi giai đoạn 2019 - 2021	1.890			
10	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.987	19	84	2.884
	- <i>Tự chủ</i>	<i>803</i>	<i>19</i>		<i>784</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>2.184</i>		<i>84</i>	<i>2.100</i>
	+ Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo	284			
	+ Kinh phí làm thêm giờ của Ban chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh và tổ giúp việc	500			
	+ Hoạt động điều hành, giám sát, đánh giá	180			
	+ Tuyên truyền chương trình nông thôn mới: 200trđ; In ấn tài liệu sổ tay tuyên truyền NTM: 340trđ	540			
	+ Thăm tra, thẩm định nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	230			
	+ Đào tạo, tập huấn cho cán bộ Nông thôn mới	300			
	+ Mua sắm tài sản	150			
11	Trung tâm Khuyến nông	11.298	115	524	10.659
	- <i>Chi hoạt động thường xuyên</i>	<i>5.548</i>	<i>115</i>		<i>5.433</i>
	- <i>Chi hoạt động không thường xuyên</i>	<i>5.750</i>		<i>524</i>	<i>5.226</i>
	+ Thông tin, tuyên truyền về khuyến nông	100			

	+ Dự án xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch tại tỉnh Hưng Yên	740			
	+ KP thuê trụ sở làm việc Trạm khuyến nông Văn Lâm	60			
	+ Dự án ứng dụng công nghệ cao để trồng dưa vàng, dưa lưới ở tỉnh Hưng Yên phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2017-2020	600			
	+ Kinh phí tuyên truyền triển khai thực hiện đề án "phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	500			
	+ Tập huấn kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi, nâng cao hiệu quả sản xuất Nông nghiệp	300			
	+ Mô hình nhân giống bò chuyên thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo	160			
	+ Mô hình Chăn nuôi gà Đông Tảo lai an toàn sinh học	500			
	+ Mô hình Nuôi ghép cá Chép lai V1 theo hướng Vietgap	500			
	+ Mô hình Vietgap cho cây ăn quả	1.000			
	+ Dự án sử dụng sản phẩm Sumitri để xử lý rơm, gốc rạ sau thu hoạch lúa giai đoạn 2017-2021	800			
	+ Mô hình chăn nuôi vịt thịt An toàn sinh học	300			
	+ Mô hình chăn nuôi Đà điểu lấy thịt	140			
	+ Kinh phí phòng chống mối công trình trụ sở Trung tâm khuyến nông	50			
12	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT	2.077	37	30	2.010
	- Chi hoạt động thường xuyên	1.627	37		1.590
	- Chi hoạt động không thường xuyên	450		30	420
	+ KP chi tuần lễ nước sạch và VSMTNT	150			
	+ KP cho công tác điều tra, giám sát, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và VSMTNT	300			
13	Các đề án, dự án do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện	20.477		2.028	18.449

+ Dự án tăng cường khảo nghiệm để phát triển nhanh những giống cây trồng mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng tỉnh HY giai đoạn 2016-2020	2.000			
+ Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo hướng Vietgahp	1.000			
+ Đề án giống vật nuôi	1.000			
+ Dự án phát triển chăn nuôi lợn ATSH theo hướng Vietgahp và chăn nuôi bò thịt cao sản giai đoạn 2016-2020	1.000			
+ Đề án “Chọn lọc, duy trì giống nếp Thơm HY và phục tráng một số giống lúa chủ lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022”	2.000			
+ Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao tỉnh HY giai đoạn 2018-2023	4.000			
+ KP thực hiện Đề án "Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên"	4.520			
+ Kinh phí lập đề án "phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	1.599			
+ Kinh phí lập đề án "phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	1.178			
+ Kinh phí phát triển chăn nuôi ATSH, chăn nuôi Vietgahp đảm bảo an toàn dịch, ATTP và BVMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng 2030	2.000			
+ Vốn đối ứng dự án Lifsap	180			

Bảng chữ (Một trăm bốn mươi bảy tỷ ba trăm mười tám triệu đồng chẵn)

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số **55** /QĐ-SNN ngày **22** / **01** /2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Nông nghiệp và PTNT công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Dự toán thu, chi phí, lệ phí	990	990	100%	100%
	Tổng số thu từ phí, lệ phí	990	990		
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ	870	870		
	Số nộp NSNN	120	120		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	147.318	147.318	100%	100%
1	Cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT	15.971	15.971	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	<i>5.631</i>	<i>5.631</i>		
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>10.340</i>	<i>10.340</i>		
	+ Thanh tra, kiểm tra điều kiện SXKD, chất lượng Vật tư nông nghiệp	300	300		
	+ Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và giới thiệu sản phẩm	500	500		
	+ Kiểm tra chất lượng trong thức ăn chăn nuôi	250	250		
	+ Tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu	100	100		
	+ Tập huấn, hướng dẫn đánh giá các chỉ tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp	150	150		
	+ Công tác quản lý giống vật nuôi trên toàn tỉnh	250	250		

+ Hội nghị đầu bờ cây vụ đông, cánh đồng mẫu vụ xuân, mùa	90	90		
+ Hội nghị tập huấn kỹ thuật thâm canh các giống lúa hỗ trợ, trồng và thâm canh các cây vụ đông và hướng dẫn thực hiện chuyển đổi đất lúa	1.000	1.000		
+ Tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ngành	270	270		
+ Kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh tại các địa phương; kiểm tra, giám sát tái cơ cấu nông nghiệp; khảo sát, đánh giá diện tích năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu	115	115		
+ Chi các đoàn khách nước ngoài; đoàn trung ương và tỉnh bạn đến làm việc; Kinh phí phục vụ giao ban trực tuyến	200	200		
+ Tiếp tục thực hiện Dự án Thông tin khuyến nông - Thị trường	800	800		
+ Ứng dụng công nghệ Nano Bạc để bảo quản nhãn, hạn chế tác hại của côn trùng, chống rụng quả và nứt quả	500	500		
+ Hội nghị tập huấn thống kê Ngành (mở rộng tập huấn cán bộ nông nghiệp cấp huyện và cấp xã)	50	50		
+ Mua trang phục Thanh tra	50	50		
+ Chính lý tài liệu lưu trữ	50	50		
+ Kinh phí diệt mối trụ sở làm việc cơ quan Sở	50	50		
+ Hỗ trợ Ban chỉ đạo Đề án tích tụ, tập trung ruộng đất để SXNN hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017-2020 (60 trđ); BCĐ Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp (80 trđ)	140	140		
+ Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo Nghị định số 108/2017/NĐ-CP	75	75		
+ Kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng làm việc	100	100		

	+ Tổ chức chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap (thực hành SXNN tốt) trên một số cây ăn quả chủ lực giai đoạn 2018-2020	1.000	1.000		
	+ Quảng bá, duy trì và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm Ocop của tỉnh	350	350		
	+ Tuyên truyền đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy về chương trình Phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, bền vững gắn với xây dựng Nông thôn mới	150	150		
	+ Trang bị phòng họp giao ban, phòng Hội trường	150	150		
	+ Kinh phí quảng bá sản phẩm nếp thơm Hưng Yên tại một số tỉnh kinh tế trọng điểm phía Bắc	200	200		
	+ Điều tra khả năng cung ứng và thị trường tiêu thụ một số nông sản chủ lực tỉnh Hưng Yên	100	100		
	+ Sửa chữa trụ sở khối liên cơ quan Sở	3.000	3.000		
	+ Lắp đặt camera và nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng nội bộ	200	200		
	+ KP tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp và tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh HY lần thứ IX theo Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh	50	50		
	+ Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	100	100		
2	Chi cục Bảo vệ thực vật	12.352	12.352	100%	100%
	- Tự chủ	6.812	6.812		
	- Không tự chủ	5.540	5.540		
	+ Tiền làm thêm giờ cho cán bộ CCVC trực phòng trừ sâu bệnh hàng năm	380	380		
	+ May đồng phục, trang phục thanh tra, kiểm dịch	60	60		
	+ Chi lấy mẫu, kiểm định mẫu thuốc BVTV	100	100		

	+ Chi tập huấn chuyển giao kỹ thuật BVTV	300	300		
	+ Tập huấn kỹ thuật diệt chuột diện rộng	130	130		
	+ Dự án "Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) gắn với sản xuất nông sản hữu cơ trên cây trồng tỉnh HY giai đoạn 2018-2021"	3.000	3.000		
	+ Mua sắm TTB, TSCĐ	165	165		
	+ Xây dựng hệ thống bẫy đèn để cảnh báo phòng trừ bệnh lùn sọc đen phương Nam	130	130		
	+ Tiền thuê trụ sở làm việc trạm Văn Lâm	60	60		
	+ Ứng dụng hệ thống/tiêu chuẩn OTAS trong quản lý và cấp chứng nhận mã vùng trồng cây ăn quả phục vụ xuất khẩu	1.050	1.050		
	+ Phòng chống mối công trình trụ sở Chi cục Bảo vệ thực vật	50	50		
	+ Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phù hợp, hiệu quả phòng trừ sâu keo mùa thu trên địa bàn tỉnh	115	115		
3	Chi cục Kiểm lâm	2.114	2.114	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	1.872	1.872		
	- <i>Không tự chủ</i>	242	242		
	+ Trang phục kiểm lâm	62	62		
	+ Kinh phí đảm bảo hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính	180	180		
4	Chi cục Phát triển nông thôn	16.214	16.214	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	2.764	2.764		
	- <i>Không tự chủ</i>	13.450	13.450		
	+ Mua sắm máy vi tính, máy in	60	60		
	+ Kinh phí phòng, chống mối công trình	50	50		
	+ Tập huấn trang trại	300	300		
	+ Hỗ trợ thực hiện dự án cơ giới hóa NN theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh (trong đó có máy cuộn rơm)	1.000	1.000		

	+ Kinh phí tập huấn Hợp tác xã và tổ hợp tác	300	300		
	+ Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã theo Quyết định số 1170/QĐ-UBND	6.000	6.000		
	+ Tổ chức thẩm định công nhận và khen thưởng làng nghề	70	70		
	+ Tuyên truyền Chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề và bảo vệ môi trường	200	200		
	+ Tập huấn ngành nghề và làng nghề nông thôn	100	100		
	+ Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác	500	500		
	+ Mô hình phát triển nâng hạng sản phẩm tham gia chương trình Ocop	3.000	3.000		
	+ Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, hoạt động của BCD, hội nghị sơ kết ... đề án Ocop	1.000	1.000		
	+ Hoạt động BCD đổi mới, phát triển kinh tế tập thể Hợp tác xã theo QĐ số 1546/QĐ-UBND ngày 01/6/2017	50	50		
	+ In sổ tay tuyên truyền về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm	120	120		
	+ Kinh phí thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023	600	600		
	+ Kinh phí rà soát, điều chỉnh bổ sung đề án phát triển kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030	100	100		
5	Chi cục QLCL nông lâm sản và thủy sản	10.172	10.172	100%	100%
	- Tự chủ	1.540	1.540		
	- Không tự chủ	8.632	8.632		
	+ Thanh tra, kiểm tra đánh giá cơ sở SXKD nông lâm thủy sản	150	150		
	+ Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đào tạo tập huấn kiến thức ATTP nông lâm thủy sản	250	250		

	+ Giám sát cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh	200	200		
	+ Đề án xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản (rau, quả, thịt, cá) đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020	5.000	5.000		
	+ Tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy trình công nghệ, điều kiện an toàn cơ sở chế biến bảo quản nông lâm thủy sản	200	200		
	+ Vốn đối ứng Dự án - JICA "Tăng cường độ tin cậy trong SX cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc"	300	300		
	+ Xây dựng, phát triển ban đầu mô hình quản lý chuỗi thực phẩm an toàn.	800	800		
	+ Đề án duy trì và phát triển hệ thống thông tin điện tử hy.check.net.vn truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025	1.360	1.360		
	+ CTMT dự án an toàn thực phẩm	372	372		
6	Chi cục QL đề điều và PCLB	8.059	8.059	100%	100%
	- Tự chủ	5.916	5.916		
	- Không tự chủ	1.543	1.543		
	+ Phụ cấp trực làm đêm, làm thêm giờ PCLB, xăng xe, điện thoại	300	300		
	+ Kinh phí xây dựng Đề án Khuyến khích, ưu tiên các tổ chức, cá nhân đầu tư vào xây dựng và bảo vệ công trình đề điều kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	400	400		
	+ Thuê kiểm kê kho vật tư chống lụt	100	100		
	+ Trợ cấp thủ công, thủ đá, thủ kho	200	200		
	+ Sắc phục Hạt Quản lý đề	100	100		
	+ Khí tượng thủy văn	300	300		
	+ Mua 03 bộ máy vi tính	33	33		

	+ Sửa chữa kho, tường rào, cánh cổng cụm Nghi Xuyên và xây tường cụm Hàm Tử (Hạt QLD Khoái Châu)	110	110		
	- Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	600	600		
7	Chi cục thú y	37.727	37.727	100%	100%
	- Tự chủ	7.597	7.597		
	- Không tự chủ	30.130	30.130		
	+ Tiêm phòng gia súc, gia cầm	23.000	23.000		
	+ Kinh phí mua hóa chất khử trùng tiêu độc phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản	6.000	6.000		
	+ Kinh phí chi hoạt động thanh tra chuyên ngành	140	140		
	+ Trang phục chuyên ngành	90	90		
	+ Tập huấn công tác thú y	400	400		
	+ Kinh phí phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y	240	240		
	+ KP lấy mẫu xét nghiệm vi rút dịch tả lợn Châu Phi	200	200		
	+ Thuê nhà cho trạm Thú y huyện Văn Lâm	60	60		
8	Chi cục thủy lợi	1.703	1.703	100%	100%
	- Tự chủ	1.158	1.158		
	- Không tự chủ	545	545		
	+ Trục chống úng, chống hạn nội đồng: Phụ cấp trục, xăng xe, điện thoại, mua bảo hộ lao động chống lụt, bão	175	175		
	+ Thanh tra chuyên ngành: May trang phục thanh tra, chi hoạt động thanh tra	50	50		
	+ Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị làm việc (mua máy vi tính, bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, sửa chữa lớn xe ô tô)	145	145		
	+ Tổ chức 5 lớp tập huấn tuyên truyền Luật Thủy lợi	175	175		
9	Chi cục Thủy sản	6.167	6.167	100%	100%
	- Tự chủ	897	897		
	- Không tự chủ	5.270	5.270		
	+ Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	220	220		
	+ Bảo vệ tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản	200	200		

	+ Dự án Phát triển công nghệ "Nuôi cá sông trong ao nước tĩnh"	810	810		
	+ Dự án "Phát triển cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019-2021"	1.350	1.350		
	+ Kinh phí tuyên truyền triển khai đề án "phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	500	500		
	+ Kinh phí kiểm tra dịch bệnh và chất lượng môi trường nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh; các cơ sở sản xuất và kinh doanh giống, thức ăn, thuốc xử lý môi trường ao nuôi	300	300		
	+ Dự án phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi giai đoạn 2019 - 2021	1.890	1.890		
10	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.987	2.987	100%	100%
	- <i>Tự chủ</i>	803	803		
	- <i>Không tự chủ</i>	2.184	2.184		
	+ Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo	284	284		
	+ Kinh phí làm thêm giờ của Ban chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh và tổ giúp việc	500	500		
	+ Hoạt động điều hành, giám sát, đánh giá	180	180		
	+ Tuyên truyền chương trình nông thôn mới: 200trđ; In ấn tài liệu sổ tay tuyên truyền NTM: 340trđ	540	540		
	+ Thăm tra, thăm định nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	230	230		
	+ Đào tạo, tập huấn cho cán bộ Nông thôn mới	300	300		
	+ Mua sắm tài sản	150	150		
11	Trung tâm Khuyến nông	11.298	11.298	100%	100%
	- <i>Chi hoạt động thường xuyên</i>	5.548	5.548		
	- <i>Chi hoạt động không thường xuyên</i>	5.750	5.750		
	+ Thông tin, tuyên truyền về khuyến nông	100	100		
	+ Dự án xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch tại tỉnh Hưng Yên	740	740		

	+ KP thuê trụ sở làm việc Trạm khuyến nông Văn Lâm	60	60		
	+ Dự án ứng dụng công nghệ cao để trồng dưa vàng, dưa lưới ở tỉnh Hưng Yên phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2017-2020	600	600		
	+ Kinh phí tuyên truyền triển khai thực hiện đề án "phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	500	500		
	+ Tập huấn kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi, nâng cao hiệu quả sản xuất Nông nghiệp	300	300		
	+ Mô hình nhân giống bò chuyên thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo	160	160		
	+ Mô hình Chăn nuôi gà Đông Tảo lai an toàn sinh học	500	500		
	+ Mô hình Nuôi ghép cá Chép lai V1 theo hướng Vietgap	500	500		
	+ Mô hình Vietgap cho cây ăn quả	1.000	1.000		
	+ Dự án sử dụng sản phẩm Sumitri để xử lý rơm, gốc rạ sau thu hoạch lúa giai đoạn 2017-2021	800	800		
	+ Mô hình chăn nuôi vịt thịt An toàn sinh học	300	300		
	+ Mô hình chăn nuôi Đà điểu lấy thịt	140	140		
	+ Kinh phí phòng chống môi công trình trụ sở Trung tâm khuyến nông	50	50		
12	Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT	2.077	2.077	100%	100%
	- Chi hoạt động thường xuyên	1.627	1.627		
	- Chi hoạt động không thường xuyên	450	450		
	+ KP chi tuần lễ nước sạch và VSMTNT	150	150		
	+ KP cho công tác điều tra, giám sát, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và VSMTNT	300	300		
13	Các đề án, dự án do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện	20.477	20.477	100%	100%

+ Dự án tăng cường khảo nghiệm để phát triển nhanh những giống cây trồng mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng tỉnh HY giai đoạn 2016-2020	2.000	2.000		
+ Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo hướng Vietgahp	1.000	1.000		
+ Đề án giống vật nuôi	1.000	1.000		
+ Dự án phát triển chăn nuôi lợn ATSH theo hướng Vietgahp và chăn nuôi bò thịt cao sản giai đoạn 2016-2020	1.000	1.000		
+ Đề án "Chọn lọc, duy trì giống nếp Thơm HY và phục tráng một số giống lúa chủ lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2022"	2.000	2.000		
+ Dự án phát triển chăn nuôi bò hàng hóa chất lượng cao tỉnh HY giai đoạn 2018-2023	4.000	4.000		
+ KP thực hiện Đề án "Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên"	4.520	4.520		
+ Kinh phí lập đề án "phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	1.599	1.599		
+ Kinh phí lập đề án "phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025"	1.178	1.178		
+ Kinh phí phát triển chăn nuôi ATSH, chăn nuôi Vietgahp đảm bảo an toàn dịch, ATTP và BVMT giai đoạn 2020-2025 và định hướng 2030	2.000	2.000		
+ Vốn đối ứng dự án Lifsap	180	180		

Bảng chữ (Một trăm bốn mươi bảy tỷ ba trăm mười tám triệu đồng chẵn)